

Số: 178/QĐ - CNPC

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói cung cấp:
Khám sức khỏe định kỳ năm 2026**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CAO NGẠN - TKV

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc ban hành Quy định về LCNCC hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong Tổng công ty Điện lực - TKV;

- Căn cứ Công văn số 2125/KH-CNPC ngày 31/12/2025 Kế hoạch điều hành sản xuất kinh doanh năm 2026.

- Căn cứ Công văn số 3793/ĐLTKV-KH ngày 25/12/2025 V/v Tạm giao/thông các chỉ tiêu chủ yếu KHSXKD năm 2026;

- Căn cứ Kế hoạch số 329/KH-CNPC ngày 26/02/2026 v/v Khám sức khỏe định kỳ và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp năm 2026;

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch Đầu tư Vật tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán gói cung cấp “Khám sức khỏe định kỳ năm 2026” với những nội dung chính như sau:

1. Nội dung công việc: Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV công ty (đợt 1), lãnh đạo quản lý (đợt 2).

(Chi tiết như Phụ lục 01 đính kèm)

2. Giá trị dự toán (đã bao gồm thuế và phí các loại) là: 248.427.300 đồng
(Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm đồng./.)

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói cung cấp “Khám sức khỏe định kỳ năm 2026” *(Chi tiết như Phụ lục 2 đính kèm).*

Điều 3. Các ông (bà) Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng nghiệp vụ có liên quan của Công ty theo chức năng nhiệm vụ căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- 02 PGĐ (e-copy);
- Phòng TCKT, KHĐT, VT, TCHC;
- Lưu: VT, THL(4)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Cường

Phụ lục 1: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN

Gói cung cấp: Khám sức khỏe định kỳ năm 2026

(Kèm theo Quyết định số: 178/QĐ-CNPC, ngày 17 tháng 3 năm 2026)

I. Căn cứ lập dự toán:

- Kế hoạch số 329/KH-CNPC ngày 26/02/2026 về việc Khám sức khỏe định kỳ và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp năm 2026;
- Báo giá của Bệnh viện Than - Khoáng sản.

STT	Nội dung công việc	Số lượng (người)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
A	Chi phí khám chữa bệnh			248 427 300
I	Khám đợt 1			192 366 400
1	Khám sức khỏe tổng quát toàn bộ cho công nhân lao động	273	160 000	43 680 000
2	Tổng phân tích TB máu ngoại vi	273	49 700	13 568 100
3	Xét nghiệm đường máu	273	22 400	6 115 200
4	Định lượng Acid Uric	273	22 400	6 115 200
5	Xét nghiệm mỡ máu 4 chỉ số	273	112 000	30 576 000
6	Đo hoạt độ AST (GOT)	273	22 400	6 115 200
7	Đo hoạt độ ALT(GPT)	273	22 400	6 115 200
8	Đo hoạt độ GGT	273	22 000	6 006 000
9	Siêu âm tổng quát ổ bụng	273	58 600	15 997 800
10	Siêu âm tuyến giáp	273	58 600	15 997 800
11	Siêu âm tuyến vú hai bên	79	58 600	4 629 400
12	Soi cổ tử cung	79	68 100	5 379 900
13	Xét nghiệm chuẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Papanicolaou (Pap smear)	79	300 000	23 700 000
14	Xét nghiệm ma túy tổng hợp	11	130 000	1 430 000
15	Đo thị trường, ám điểm	11	29 600	325 600
16	Marker ung thư phổi (NSE) cho Trưởng, phó các đơn vị, trưởng ca, y tế	27	245 000	6 615 000
II	Khám đợt 2			56 060 900
	Khám sức khỏe lần 1 cho lãnh đạo quản lý			36 413 900
1	Khám sức khỏe toàn diện cho lãnh đạo Công ty, Chủ tịch CĐ và Bí thư Đoàn TN			10 258 400
1.1	Khám lâm sàng	5	700 000	3 500 000
1.2	Tổng phân tích TB máu ngoại vi	5	49 700	248 500
1.3	Định lượng Glucose (Đường máu)	5	22 400	112 000

STT	Nội dung công việc	Số lượng (người)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1.4	Định lượng Ure	5	16 800	84 000
1.5	Định lượng Creatinin	5	22 400	112 000
1.6	Định lượng Acid Uric	5	22 400	112 000
1.7	Định lượng Cholesterol toàn phần	5	28 000	140 000
1.8	Định lượng Tryglycerid	5	28 000	140 000
1.9	Định lượng HDL-C	5	28 000	140 000
1.10	Định lượng LDL-C	5	28 000	140 000
1.11	Đo hoạt độ AST(GOT)	5	22 400	112 000
1.12	Đo hoạt độ ALT(GPT)	5	22 400	112 000
1.13	Đo hoạt độ GGT	5	22 000	110 000
1.14	Hormon tuyến giáp (T3)	5	80 760	403 800
1.15	Hormon tuyến giáp (T4)	5	80 760	403 800
1.16	Hormon tuyến giáp (TSH)	5	80 760	403 800
1.17	HbA1c	5	105 300	526 500
1.18	Định lượng Calci toàn phần	5	13 400	67 000
1.19	Tổng phân tích nước tiểu (10 chỉ số bằng máy)	5	28 600	143 000
1.20	Điện tim thường	5	39 900	199 500
1.21	Đo xơ vữa động mạch	5	77 800	389 000
1.22	Lưu huyết não	5	50 500	252 500
1.23	Đo mật độ xương bằng máy siêu âm	5	84 800	424 000
1.24	Siêu âm màu tổng quát ổ bụng	5	58 600	293 000
1.25	Siêu âm màu tuyến giáp	5	58 600	293 000
1.26	Nội soi tai mũi họng	5	116 100	580 500
1.27	Chụp X quang kỹ thuật số ngực thẳng	5	73 300	366 500
1.28	Hồ sơ khám sức khoẻ và các chi phí khác	5	90 000	450 000
2	Khám theo chỉ định			13 855 500
2.1	H.pylori (HP dạ dày)	5	171 100	855 500
2.2	Nội soi dạ dày gây mê	5	1 200 000	6 000 000
2.3	Nội soi đại tràng gây mê	5	1 400 000	7 000 000
3	Chuẩn đoán ung thư sớm			2 300 000
3.1	Định lượng AFP (phát hiện sớm ung thư gan)	5	120 000	600 000
3.2	Marker ung thư tuyến giáp (Anti - TG)	5	340 000	1 700 000
4	Chi phí khác (nếu có)			10 000 000
4.1	Thực hiện các chỉ định cận lâm sàng theo chỉ định của Bác sỹ lâm sàng, thuốc điều trị bệnh (nếu có)	5	2 000 000	10 000 000



Phụ lục 02: BẢNG TỔNG HỢP PHẦN CÔNG VIỆC THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP

(Kèm theo Quyết định số: 178 /QĐ-CNPC, ngày 17 tháng 3 năm 2026)

STT	Tên chủ đầu	Tên gói cung cấp		Giá gói cung cấp (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà cung cấp	Phương thức lựa chọn nhà cung cấp	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà cung cấp	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà cung cấp	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói cung cấp	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói cung cấp	Tóm tắt công việc chính của gói cung cấp									
1	Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV	Khám sức khỏe định kỳ năm 2026	Khám sức khỏe định kỳ năm 2026	248.427.300	Chi phí SXKD năm 2026	Ký hợp đồng trực tiếp		15 ngày	Tháng 3/2026	Theo đơn giá cố định	Năm 2026	Không